

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **56/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/12/2018.

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG- TỈNH THÁI BÌNH.

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

-*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Tiến Hưng.

-*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Đình Cự và bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thuận Yến – Thư kí Tòa án.

- *Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên toà:*

Bà Vũ Thị Huế -Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31/11/2018 và ngày 28 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:135/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXX-ST ngày 14/11/2018 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** - Chị Phạm Thị L– sinh năm 1989;

Trú tại: thôn A, xã S, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

*** Bị đơn:** - Anh Bùi Đức T– sinh năm 1986

Trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện Đông Hưng, Thái Bình.

(*Đều có mặt tại phiên toà*)

Người có quyền lợi và Ng vụ liên quan.

1-Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

Đại D là ông Phí Anh T, Chức vụ: Giám đốc .

2- Bà Ngô Thị D, sinh năm 1969.

3- Bà Bùi Thị M (tên gọi khác là Xuyên), sinh năm 1967.

4- Bà Vũ Thị U, sinh năm 1958.

Đều: Thôn K, xã Đ, huyện Đông Hưng, Thái Bình.

(*Bà M bà U có mặt tại phiên toà*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Phạm Thị L và anh Bùi Đức T đều trình bày:

Chị L và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, khi cưới có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ , huyện Đông Hưng, Thái Bình ngày 13/9/2010.

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, Ng đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Vợ chồng sau khi cưới về nhà anh T đến năm 2011 thì ra ăn riêng. Anh T đi làm phụ hồ nên thường xuyên xa nhà. Chị L thừa nhận trong thời gian (năm 2016) anh T đi làm xa đã không chung thủy với chồng. Việc này chị đã viết bản kiểm điểm nhận lỗi với chồng. Từ năm 2016 vợ chồng không quan tâm đến nhau. Vì vậy từ năm 2016 đến nay chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Anh T có vài lần tìm gọi chị về nhưng chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được li hôn anh T.

+ Bị đơn anh Bùi Đức T trình bày:

Ng nhân mâu thuẫn là do trong khi anh đi làm xa thì chị L ở nhà đã không chung thủy với anh, chị L đã viết bản tường trình nhận lỗi. Việc chị L không chung thủy anh đã bỏ qua cho chị L. Năm 2016 thì chị L tự bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Sau khi chị L bỏ về, anh đã tìm gọi song chị L không về, gia đình chị L còn tỏ ra coi thường anh. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh cũng đồng ý thuận tình li hôn

+ Về con chung:

Vợ chồng có một con chung là Bùi Đức Ng, sinh ngày 17/6/2011 từ khi chị L bỏ đi cháu Ng ở với anh T(Hiện cháu Ng có nguyện vọng được ở với anh T).

Li hôn anh T và chị L đều xin được nuôi con và nếu được nuôi con đôi bên đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ: Chị L trong thời gian anh T đi làm xa chị L có vay của:

- 1- Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đông Hưng 12.000.000đ
- 2- Bà Bùi Thị M (tức Xuyên) 1.500.000đ.
- 3- Bà Ngô Thị D – 7.000.000đ.
- 4- Bà Vũ Thị U – 3.000.000đ. Nợ mua chịu hàng (thịt lợn) là 355.000đ.

Chị L khai rằng chị vay để chi tiêu và nuôi con. Nay chị xin tự nguyện trả toàn bộ số nợ trên.

Tại phiên toà chị L và anh T lại thoả thuận chị L trả nợ bà M, anh T trả nợ cho bà U.

- Bà Bùi Thị M trình bày:

Năm 2014 chị L có hỏi vay tiền để đóng tiền phường và chi tiêu lúc đó tôi cho cho chị L vay 1.500.000đ không lãi suất. Nay bà đề nghị trả lại cho bà số tiền gốc 1.500.000đ.

Bà Vũ Thị U trình bày:

Ngày 24/12/2014 chị L có hỏi vay tiền của bà về chi tiêu, bà U đã cho chị L vay 3.000.000đ, lãi suất 1%/tháng đến nay bà U yêu cầu trả cho bà cả tiền gốc và tiền lãi,. Ngoài ra chị L còn nợ bà 355.000đ tiền mua thịt lợn.

+ Tại phiên toà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng có quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án

Về quan hệ hôn nhân:

Mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã kéo dài từ năm 2016, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Tại phiên toà anh T cũng thuận tình li hôn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thuận tình li hôn giữa chị L và anh T.

Về con chung: Chị L anh T có một con chung là Bùi Đức Ng, sinh ngày 17/6/2011, từ khi chị L bỏ đi cháu Ng ở với anh T (Hiện cháu Ng có nguyện vọng được ở với anh T). Li hôn anh T và chị L đều xin được nuôi con.

Xét về điều kiện nuôi con :

Xét về điều kiện kinh tế để nuôi con thì chị L, anh T đều có thu nhập đảm bảo về kinh tế để nuôi con

Xét về điều kiện khác: Hiện nay cháu Ng đã ở với anh T từ năm 2016 đến nay, cháu hiện đang đi học tại xã Đ. Việc nuôi dạy cháu Ng là đảm bảo. Để đảm bảo cuộc sống ổn định và đảm bảo việc học bình thường của cháu Ng. Do đó cần tiếp tục giao cho anh T nuôi con là phù hợp. Chấp nhận việc anh T không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về Chị L trong thời gian anh T đi làm xa chị L có vay của:

- 1- Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đông Hưng 12.000.000đ
- 2- Bà Bùi Thị M là 1.500.000đ.
- 3- Bà Ngô Thị D là 7.000.000đ.
- 4- Bà Vũ Thị U là 3.000.000đ. Mua chịu tiền thịt là 355.000đ.

Đối với khoản vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đông Hưng chị L đã trả xong, khoản vay của bà D, bà D không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó không đặt ra giải quyết trong vụ án.

Tại phiên toà chị L và anh T thoả thuận:

Chị L đã trả Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đông Hưng 12.000.000đ chị L không yêu cầu anh T có trách nhiệm đối với khoản tiền này.

Đối với khoản vay của bà U và bà M thì anh T trả nợ cho bà U tiền gốc và lãi suất 1%/ tháng từ ngày 24/12/2014 đến nay. Chị L trả khoản nợ của bà M. Xét thấy các đương sự đã tự nguyện thoả thuận đề nghị chấp nhận sự thoả thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi dùng phiên toà đã làm rõ khoản vay của Hội phụ nữ xã Đ như đương sự khai là không đúng, Thực ra khoản vay này Hội phụ nữ xã Đ chỉ đứng ra tín chấp khoản vay. Bà Bên chỉ là tổ trưởng tổ cho vay, khoản tiền này là của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đông Hưng cho vay với chương trình nước sạch nông thôn. Nay khoản vay này chị L đã trả ngày 04/11/2018. Ngân hàng chính sách huyện Đông Hưng không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó không đặt ra giải quyết trong vụ án. Đối với khoản vay của bà

Ngô Thị D, bà D không yêu cầu Toà án giải quyết, chị L và anh T cũng không yêu cầu giải quyết. Do đó không đặt ra giải quyết trong vụ án. Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đông Hưng và bà Ngô Thị D không tham gia trong vụ án với tư cách của Người có quyền lợi liên quan trong vụ án nữa.

[2] Về Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị L kết hôn với anh T trên cơ sở tự nguyện, khi cưới có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng:

Là do trong khi anh T đi làm ở xa chị L ở nhà đã không chung thủy với chồng. Năm 2016 chị L đã tự bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Mặc dù anh T bỏ qua việc chị không chung thủy với anh. Vì vậy khi chị L bỏ về nhà mẹ đẻ anh T đã tìm gọi chị L về để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị L vẫn không quay về để chung sống với anh T. Nay chị L và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T chị L đều xin thuận tình li hôn. Xét thấy chị L bỏ đi đã lâu, nay chị L anh T thuận tình li hôn là hoàn toàn tự nguyện. Do đó chấp nhận sự thuận tình li hôn của chị L và anh T.

[2.2] Về con chung:

Chị L anh T có một con chung là Bùi Đức Ng, sinh ngày 17/6/2011, từ khi chị L bỏ đi cháu Ng ở với anh T (Hiện cháu Ng có nguyện vọng được ở với anh T). Li hôn anh T và chị L đều xin được nuôi con.

Xét về điều kiện nuôi con :

Xét về điều kiện kinh tế để nuôi con thì chị L, anh T đều có thu nhập đảm bảo về kinh tế để nuôi con

Xét về điều kiện khác: Hiện nay cháu Ng đã vỡ với anh T từ năm 2016 đến nay, cháu hiện đang đi học tại xã Đ. Việc nuôi dạy cháu Ng là đảm bảo. Để đảm bảo cuộc sống ổn định và đảm bảo việc học bình thường của cháu Ng. Do đó cần tiếp tục giao cho anh T nuôi con là phù hợp. Chấp nhận việc anh T không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.2] Về tài sản:

Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ trong thời gian anh T đi làm xa chị L có vay của:

- 1-Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đông Hưng 12.000.000đ
- 2-Bà Bùi Thị M, là 1.500.000đ.
- 3- Bà Ngô Thị D, là 7.000.000đ.
- 4- Bà Vũ Thị U, là 3.000.000đ. Mua chịu tiền thịt là 355.000đ.

Chị L khai rằng chị vay để chi tiêu và nuôi con. Tại phiên toà chị L và anh T thoả thuận:

Chị L đã trả Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đông Hưng 12.000.000đ chị L không yêu cầu anh T có trách nhiệm. Đối với khoản nợ của bà D chị không yêu cầu giải quyết bà D cũng không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với khoản vay của bà U và bà M thì anh T trả nợ cho bà U tiền gốc và lãi suất 1%/tháng từ ngày 24/12/2014 đến nay. Chị L trả khoản nợ của bà M.

Xét thấy cả đương sự đã tự nguyện thoả thuận đề nghị chấp nhận sự thoả thuận của các đương sự.

Đối với khoản nợ của bà M chị L tại phiên toà có khai trong thời gian tạm dừng phiên toà chị đã trả nợ cho bà M, nhưng chị không có văn bản chứng minh. Do đó trong bản án vẫn tuyên trách nhiệm trả nợ của chị L.

Xét yêu cầu lãi suất: Bà U yêu cầu lãi 1%/tháng là phù hợp. Song Toà án chỉ chấp nhận tính lãi suất trên khoản tiền vay 3.000.000đ, còn khoản nợ tiền mua thịt 355.000đ là quan hệ mua bán hàng hoá, hai bên không có thoả thuận lãi suất do vậy nên không chấp nhận việc tính lãi trên số tiền 355.000đ.

Từ ngày 24/12/2014 đến ngày 28/12/2018 là 48 tháng (04 năm 04 ngày) x lãi suất 1 năm là 360.000đ x 4 năm 04 ngày = 1.444.000đ + tiền gốc 3.000.000đ + tiền nợ mua thịt 355.000đ. Tổng là 4.799.000.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000đ . Anh T chị L phải chịu mỗi người là 300.000đ tiền án phí chia tài sản(khoản nợ).

Hoàn trả lại cho bà U, bà M số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 53 Khoản 1 Điều 56, Điều 37, Điều 81;82;83 Luật hôn nhân và gia đình.

1) Về quan hệ hôn nhân:

Xử công nhân sự thuận tình li hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Bùi Đức T.

2) Về quan hệ con chung:

Xử giao cho anh Bùi Đức T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc Bùi Đức Ng, sinh ngày 17/6/2011. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Tuấn: Anh T không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Chị L có quyền đi lại chăm sóc con chung.

3) Về tài sản:

Chấp nhận sự thoả thuận của chị L và anh T, cụ thể:

Chị L có trách nhiệm số nợ của: Bà Bùi Thị M (tức Xuyên) là 1.500.000đ.

Anh T có trách nhiệm số nợ của: Bà Vũ Thị U gồm: Tiền gốc + tiền lãi và tiền nợ mua hàng. Tổng số tiền là: **4.799.000đ**

Kể từ ngày bà X, bà U có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị L, anh T chậm thi hành khoản phải thi hành thì chị L, anh T phải chịu lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

4) Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ chị L. Chuyển số tiền 300.000đ chị L đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0007079 ngày 06/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành khoản thi hành án phí.

Chị Phạm Thị L và anh Bùi Đức T mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí chia tài sản .

Hoàn trả lại cho Bùi Thị M (tức Xuyên), Vũ Thị U số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0007804 và số 0007803 ngày 08/11/2018.

5] Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

Các đương sự .

VKSND, THA h: Đông Hưng.

UBND xã Đ.

Lưu HS-VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TOÀ**

(Đã ký)

Bùi Tiến Hưng

Bùi Tiến Hưng

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 12 năm 2018

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tiến Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Cự.

2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 13/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXX-ST ngày 14/11/2018 giữa các đương sự:

***NgU đơn:** - Chị Phạm Thị L – sinh năm 1989;

Trú tại: Thôn An Phúc, xã Song An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

* **Bị đơn:** - Anh Bùi Đức T– sinh năm 1986

Trú tại: Thôn Kim Nậu, xã Đông Kinh, huyện Đông Hưng, Thái Bình.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 53 Khoản 1 Điều 56, Điều 37, Điều 81;82;83 Luật hôn nhân và gia đình.

Biểu quyết : 3/3/ nhất trí

1] Về quan hệ hôn nhân:

Xử công nhân sự thuận tình li hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Bùi Đức Tuấn.

Biểu quyết : 3/3/ nhất trí

2] Về quan hệ con chung:

Xử giao cho anh Bùi Đức T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc Bùi Đức Ng, sinh ngày 17/6/2011. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Tuấn: Anh T không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Chị L có quyền đi lại chăm sóc con chung.

Biểu quyết : 3/3/ nhất trí

3] Về tài sản:

Chấp nhận sự thỏa thuận của chị L và anh Tuấn, cụ thể:

Chị L có trách nhiệm số nợ của: Bà Bùi Thị M (tức Xuyến) là 1.500.000đ.

Anh T có trách nhiệm số nợ của: Bà Vũ Thị U gồm: Tiền gốc + tiền lãi và tiền nợ mua hàng. Tổng số tiền là: **4.799.000đ**

Kể từ ngày bà Xuyến, bà U có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị L, anh T chậm thi hành khoản phải thi hành thì chị L, anh T phải chịu lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Biểu quyết : 3/3/ nhất trí

4] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ chị L. Chuyển số tiền 300.000đ chị L đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0007079 ngày 06/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành khoản thi hành án phí.

Chị Phạm Thị L và anh Bùi Đức T mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí chia tài sản.

Hoàn trả lại cho Bùi Thị M (tức Xuyên), Vũ Thị U số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0007804 và số 0007803 ngày 08/11/2018.

Biểu quyết : 3/3/ nhất trí

5] Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tU án.

Biểu quyết : 3/3/ nhất trí

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tiến Hưng

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 12 năm 2018

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tiến Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Cự.

2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 13/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXX-ST ngày 14/11/2018 giữa các đương sự:

***NgU đơn:** - Chị Phạm Thị L– sinh năm 1989;

Trú tại: Thôn An Phúc, xã Song An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

*** Bị đơn:** - Anh Bùi Đức T– sinh năm 1986

Trú tại: Thôn Kim Nậu, xã Đông Kinh, huyện Đông Hưng, Thái Bình.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU
QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 235 và Điều 259 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Tạm ngừng phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 52/2018/QĐXX-ST ngày 14/11/2018

Biểu quyết : 3/3/ nhất trí

2. Thời gian, địa điểm tiếp tục phiên tòa xét xử vụ án được ấn định như sau :
Trong thời hạn 30 ngày, khi xác minh có kết quả Tòa án sẽ thông báo cho đương sự và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng biết thời gian mở lại phiên tòa.

Biểu quyết : 3/3/ nhất trí

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tiến Hưng